

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH PHỤ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST

Ngày 10/6/2020

*“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con  
chung giữa chị N và anh D”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Dên

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đỗ Đức Nhân

2. Ông Đặng Ngọc Tân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Dương Thị N sinh năm 1994

Nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã G, huyện P, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn L, thị trấn H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh

**- Bị đơn:** Anh Đào Trọng D sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn B, xã G, huyện P, tỉnh Thái Bình.

*(Tại phiên tòa có mặt các đương sự)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ghi ngày 23/12/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Dương Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đào Trọng D tự do, tự nguyện tìm hiểu dẫn đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện P vào ngày 10/4/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình anh D, sau đó lại chuyển lên Thôn L, thị trấn H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh sinh sống. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, hòa thuận đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, anh D chơi bời, cờ bạc dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Mâu thuẫn căng thẳng vào 11/2018, anh D đã bỏ về Thôn B, xã G, huyện P, tỉnh Thái Bình sinh sống, còn chị vẫn sinh sống tại Bắc Ninh, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh D không còn, chị xin ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đào Dương Diệu A sinh ngày 06/10/2015 – hiện đang ở với anh D và Đào Minh K sinh ngày 06/3/2018 - hiện đang ở với chị. Ly hôn, chị nhận trách nhiệm nuôi dưỡng con Đào Minh K, chị để anh D trực tiếp nuôi dưỡng con Đào Dương Diệu A. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hiện tại chị không có thai nghén gì.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Đào Trọng D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận về thời gian, điều kiện hoàn cảnh kết hôn, thời gian mâu thuẫn và thời gian vợ chồng ly thân như chị Dương Thị N đã trình bày là đúng. Theo anh nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chơi bời, cộng với việc kinh tế khó khăn, dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Nay chị N có đơn xin ly hôn anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị N vẫn còn anh muốn vợ chồng đoàn tụ, anh không muốn ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị Dương Thị N đã trình bày, ly hôn anh nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng con Đào Dương Diệu A sinh ngày 06/10/2015, anh để chị N trực tiếp nuôi dưỡng con Đào Minh K sinh ngày 06/3/2018. Anh và chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hiện tại chị không có thai nghén gì.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Kết quả xác minh với cơ sở Thôn B, xã G, huyện P, tỉnh Thái Bình thấy:* Chị Dương Thị N và anh Đào Trọng D là vợ chồng, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Bắc Ninh, đến cuối năm 2018 thì anh D về G sinh sống còn chị N vẫn sống tại Bắc Ninh. Quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể cơ sở thôn không biết rõ chỉ biết do con nhỏ, kinh tế gia đình khó khăn. Nay chị N có đơn xin ly hôn anh D cơ sở thôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị N và anh D có 02 con chung là Đào Dương Diệu A sinh ngày 06/10/2015 – hiện đang ở với

anh D và Đào Minh Ksinh ngày 06/3/2018, hiện đang ở với chị N. Nếu Tòa án giải quyết cho chị N anh D ly hôn cơ sở thôn đề nghị giữ nguyên tình trạng nuôi con chung như hiện nay, giao con chung Đào Dương Diệu A cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Đào Minh Kcho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng cho con giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung cơ sở không biết rõ.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Dương Thị N được ly hôn anh Đào Trọng D; Về con chung: công nhận sự thỏa thuận của chị Dương Thị N và anh Đào Trọng D, giao con chung Đào Dương Diệu A sinh ngày 06/10/2015 cho anh Đào Trọng D trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Đào Minh Ksinh ngày 06/3/2018 cho chị Dương Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chị N và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền đi lại trông nom và giáo dục con chung; Về tài sản: chị Dương Thị N và anh Đào Trọng D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: chị Dương Thị N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Chị Dương Thị N khởi kiện ly hôn, nuôi con chung với anh Đào Trọng D, do anh D là bị đơn cư trú tại Thôn B, xã G, huyện P, tỉnh Thái Bình nên TAND huyện P, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị N và anh Đào Trọng D xây dựng trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã G, huyện P, tỉnh Thái Bình cấp đăng ký kết hôn số 23 ngày 10/4/2015 là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau, anh D lại hay chơi bời, cờ bạc, dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn, mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 11/2018 vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, chị N xác định tình cảm, vợ chồng giữa chị và anh D không còn, chị xin ly hôn anh D. Còn anh D xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị N nên anh không đồng ý ly hôn nhưng anh không đưa ra biện pháp nào có hiệu quả để hàn gắn, cải thiện quan hệ vợ chồng, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả, mặt khác trong suốt quá trình giải quyết vụ án đến nay vợ chồng vẫn tiếp tục ly thân, không ai quan tâm

đến ai, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn không đạt được, hôn nhân của anh chị thực tế chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, vì vậy cần xử cho chị N và anh D được ly hôn với quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Dương Thị N và anh Đào Trọng D có 02 con chung là Đào Dương Diệu A sinh ngày 06/10/2015 – hiện đang ở với anh D và Đào Minh K sinh ngày 06/3/2018, hiện đang ở với chị N. Ly hôn, chị N và anh D thống nhất thỏa thuận giữ nguyên tình trạng nuôi con chung như hiện nay, theo đó chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đào Minh K, còn anh D trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đào Dương Diệu A, chị N và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Nguyên vọng nuôi con của anh chị là chính đáng, cháu Diệu Anh đang ở với anh D, cháu Khôi đang ở với chị N lại chưa đủ 36 tháng tuổi nên không làm ảnh hưởng đến việc sinh hoạt của các con chung cũng là đáp ứng nguyện vọng của chị N và anh D nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của chị N và anh D, giao con chung Đào Dương Diệu A cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Đào Minh K cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị Dương Thị N và anh Đào Trọng D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị Dương Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Dương Thị N và anh Đào Trọng D có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị N được ly hôn anh Đào Trọng D.

2. Về con chung: Xử công nhận sự thỏa thuận của chị Dương Thị N và anh Đào Trọng D: giao con chung Đào Dương Diệu A sinh ngày 06/10/2015 cho anh Đào Trọng D trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Đào Minh K sinh ngày 06/3/2018 cho chị Dương Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị N và anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3.Về tài sản chung: Chị Dương Thị N và anh Đào Trọng D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4.Về án phí: Chị Dương Thị N phải chịu cả 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai thu số 0004280 ngày 15 tháng 01 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P được chuyển thành tiền án phí.

5.Về quyền kháng cáo: Chị Dương Thị N và anh Đào Trọng D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục thi hành án dân sự h.Quỳnh Phụ;
- UBND xã G, h.P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thị Duyên**  
(*Đã ký*)